

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 5-2020;

V/v: “Xin ly hôn và tranh chấp
nuôi con”.

¹
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2020/TLST- HNGĐ ,ngày 05 tháng 02 năm 2020; về việc xin ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trương Thị M**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

-Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày: Chị M và anh M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 09 tháng 9 năm 2011; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tính không phù hợp nên có nhiều bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cãi vã nhau, mức độ ngày càng trầm trọng. Anh M đối xử tệ bạc với chị M, nhưng chị M nhiều lần chịu đựng và giảng hòa để níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng anh M vẫn chứng nào tật nấy. Anh M và chị M đã sống ly thân nhau từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nay chị M xin ly hôn anh M. Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22/12/2012. Sau ly hôn chị M xin nuôi con, yêu cầu anh M phải đóng góp phí tôn nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Quốc V có đơn trình bày: Nếu bố, mẹ ly hôn cháu Việt xin được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn M là tranh chấp ly hôn và nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình đã tiến hành đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q ngày 03/3/2019, kết quả: anh M hiện nay hộ khẩu vẫn ở địa phương; hiện nay anh M không có mặt tại địa phương; kết quả xác minh tại nhà bà Nguyễn Thị D(mẹ anh M): Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh M, bà D đã liên lạc với M báo cho M biết để tham gia việc giải quyết vụ án; hiện nay M vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và nay đi làm ăn ở Miền Nam. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, các giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách; gửi thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa. Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an có văn bản số 2516/A08-P5, ngày 28/02/2020 trả lời về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh cho biết: Anh Nguyễn Văn M không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh. Anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa, đây là phiên tòa lần thứ hai anh M vắng mặt(phiên tòa lần thứ nhất anh M vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật); việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi, tâm lý của đương sự; do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 09 tháng 9 năm 2011; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Trương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn M là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai anh, chị có một con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22/12/2012. Chị M đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh M đóng góp phí tổn nuôi con

mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành; từ trước tới nay cháu V ở với chị M; cháu V có đơn xin ở với mẹ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị M là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị M chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ; anh M chịu nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm số tiền 300.000đ, để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị **Trương Thị M** được ly hôn anh **Nguyễn văn M**.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22/12/2012 cho chị Trương Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh M đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ(hai triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, tính từ tháng 5/2020.

Cấm chị M ngăn cản anh M quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

3.Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị M chịu nộp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) chị M đã nộp theo Biên lai số 0003372 ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị M đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn văn M chịu nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm số tiền 300.000đ(ba trăm ngàn đồng), để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05 /5 /2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bố Trạch(2)
- Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
- Chị Trương Thị M;
- Anh Nguyễn Văn M;
- UBND xã L(Để biết);
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân